TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 5 - VĨNH LONG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 73/2026/HNGĐ-ST
Ngày: 26-3-2026
V/v ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 5 - VĨNH LONG, TỈNH VĨNH LONG

- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Lăng

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Phạm Thị Em; Bà Âu Thi Kiều Sương

- ***Thư ký phiên tòa*:** Ông Lê Kinh Luân – Thư ký viên Tòa án nhân dân Khu vực 5 - Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long.

Ngày 26 tháng 3 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 5 - Vĩnh Long công khai xét xử sơ thẩm vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 305/2025/TLST - HNGĐ ngày 13 tháng 10 năm 2025 về việc "*ly hôn*" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 62/2025/QĐXXST – HNGĐ ngày 12/02/2026; Quyết định hoãn phiên tòa số 101/2026/QĐST-DS ngày 05/3/2026, giữa các đương sự:

* *Nguyên đơn:* Chị Lê Thị L, sinh năm: 1979; CCCD số 094179016611 cấp ngày 29/7/20222 tại Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội; Nơi cư trú: ấp A, xã K, thành phố Cần Thơ. (xin vắng mặt)

* *Bị đơn:* Anh Nguyễn Văn L1, sinh năm: 1979; CMND số: 320977758, do Công an tỉnh B cấp ngày 10/8/1995; Nơi cư trú: ấp E, phường A, tỉnh Vĩnh Long. (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn Lê Thị L trình bày:

Về hôn nhân: Chị L và anh L1 kết hôn vào năm 2000 trên cơ sở tìm hiểu, tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã S, huyện G, tỉnh Bến Tre (nay là phường A, tỉnh Vĩnh Long). Thời gian đầu anh chị chung sống hạnh phúc nhưng đến năm 2002 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do thường xuyên cãi vã, anh chị không còn quan tâm, chăm sóc cho nhau, đã sống ly thân đến nay hơn 23 năm. Nay nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể tiếp tục nên chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Nguyễn Văn L1.

Về con chung: Anh L1 và chị L có hai con chung tên là Nguyễn Thị Ánh H, sinh ngày 29/12/2001 và Nguyễn Thanh N, sinh ngày 11/9/2003, các con chung đã trưởng thành, đủ khả năng tự lao động để nuôi sống bản thân, nên không yêu cầu toà án giải quyết.

Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn anh Nguyễn Văn L1 mặc dù đã được Tòa án tống đạt hợp lệ thông báo về việc thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải theo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự nhưng anh L1 đều vắng mặt không có lý do nên Tòa án không ghi nhận được ý kiến hay yêu cầu của anh L1.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN

[1] Sau khi nghiên cứu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận, Hội đồng xét xử nhận định đây là vụ án hôn nhân gia đình về việc "*ly hôn*" thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 5 – Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long. Tại phiên tòa sơ thẩm, anh L1 vẫn vắng mặt không có lý do, mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai; Chị L có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt. Căn cứ theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 288 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt chị L và anh L1.

[2] Về hôn nhân: Chị L và anh L1 tự nguyện kết hôn, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã S, huyện G, tỉnh Bến Tre (nay là phường A, tỉnh Vĩnh Long) vào năm 2000, nên hôn nhân của anh chị là hợp pháp, được pháp luật bảo vệ. Từ năm 2002 anh chị bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do thường xuyên cãi vã, anh chị không còn quan tâm, chăm sóc cho nhau, đã sống ly thân đến nay hơn 23 năm. Tòa án cũng đã nhiều lần mở phiên hòa giải để giúp hai bên hàn gắn tình cảm nhưng anh L1 đều vắng mặt không tham gia hòa giải, điều này cho thấy anh L1 không có thiện chí hàn gắn, không mong muốn vợ chồng đoàn tụ. Như vậy có cơ sở xác định tình trạng mâu thuẫn vợ chồng giữa anh L1 và chị L đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân của anh chị không đạt được, nên căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị L.

[3] Về con chung: anh L1 và chị L có hai con chung tên là Nguyễn Thị Ánh H, sinh ngày 29/12/2001 và Nguyễn Thanh N, sinh ngày 11/9/2003, các con chung đã trưởng thành đủ khả năng tự lao động để nuôi sống bản thân, chị L không yêu cầu toà án giải quyết, nên không xét đến,

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Chị L xác định giữa chị và anh L1 không có tài sản chung, không có nợ chung và cũng không yêu cầu Tòa án giải quyết; anh L1 không có ý kiến về tài sản chung và về nợ chung nên Tòa án không xem xét giải quyết trong cùng vụ án.

[6] Về án phí: Chị L là nguyên đơn phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng).

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng các Điều 56, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; Điều 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội.

[1] Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Lê Thị L. Chị Lê Thị L được ly hôn với anh Nguyễn Văn L1.

[2] Về con chung: Chị Lê Thị L và anh Nguyễn Văn L1 có hai con chung tên là Nguyễn Thị Ánh H, sinh ngày 29/12/2001 và Nguyễn Thanh N, sinh ngày 11/9/2003, các con chung đã trưởng thành, đủ khả năng tự lao động để nuôi sống bản thân, nên không xét đến.

[3] Về tài sản chung và về nợ chung: Chị L trình bày không có tài sản chung, không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung, nợ chung, Tòa án cũng không ghi nhận được ý kiến hay yêu cầu của anh L1 về nợ chung, tài sản chung, nên Tòa án không xem xét giải quyết trong cùng vụ án.

[4] Về án phí: Chị Lê Thị L phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: 0004649 ngày 08/10/2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Vĩnh Long. Chị L đã nộp xong án phí.

Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận bản án hoặc kể từ ngày tòa án tống đạt bản án hợp lệ để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND Khu vực 5 – Vĩnh Long;
- Phòng THADS Khu vực 5, tỉnh Vĩnh Long;
- TAND tỉnh Vĩnh Long;
- UBND phường An Hội, tỉnh Vĩnh Long
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Thị Lăng